TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN C** **TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 336/2022/HNGĐ-ST Ngày: 14-7-2022 V/v tranh chấp "Ly hôn"	

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C, TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thanh Tuyền.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lê Thị Ngọc Ánh.
2. Ông Võ Trọng Nghĩa.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Dương Kim Cương, Thư ký Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang tham gia phiên toà: Ông Đỗ Huỳnh Thanh Tân-Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 7 năm 2022 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện C xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 147/2022/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 4 năm 2022 về tranh chấp "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 113/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 16 tháng 6 năm 2022 và quyết định hoãn phiên tòa số 113/2022/QĐST-HNGĐ ngày 29 tháng 6 năm 2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Phạm Xuân L**, sinh năm 1985; Địa chỉ: ấp B, xã N, huyện C, tỉnh Tiền Giang. (xin vắng mặt)

- Bị đơn: Anh **Nguyễn Hoàng P**, sinh năm 1985; Địa chỉ: ấp B, xã N, huyện C, tỉnh Tiền Giang. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện, bản tự khai ngày 22/02/2022 và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Phạm Xuân L trình bày:*

Về tình cảm: Chị và anh Nguyễn Hoàng P kết hôn năm 2010 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N theo giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 23 ngày 15/3/2010. Quá trình chung sống hạnh phúc nhưng đến năm 2017 phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do cách sống hai bên không hợp nhau. Cuộc sống hôn

nhân thường phát sinh mâu thuẫn không thể hàn gắn được. Cuộc sống hôn nhân rơi vào tình trạng nghiêm trọng thường xảy ra tranh chấp cãi nhau. Chị và anh P đã ly thân từ tháng 7/2021. Nay chị yêu cầu được ly hôn với anh P.

Về con chung: Có ba con chung gồm Nguyễn Hoàng L, sinh ngày 09/3/2012, Nguyễn Ngọc Mỹ D, sinh ngày 28/12/2013, Nguyễn Ngọc Diệu A, sinh ngày 29/8/2020 hiện đang sống với chị. Ly hôn, chị yêu cầu nuôi 03 con chung, yêu cầu anh P cấp dưỡng 3.000.000 đồng/3con/tháng cho đến khi con đủ tuổi trưởng thành.

Tài sản chung: Không có.

Nợ chung: không có.

** Bị đơn anh Nguyễn Hoàng P tại biên bản hòa giải ngày 26/4/2022 trình bày:*

Anh thống nhất với chị L về quá trình cưới nhau, thời gian và địa điểm kết hôn, con chung, tài sản chung và nợ chung. Trong quá trình sống chung, vợ chồng cũng có mâu thuẫn, anh thừa nhận anh hay nhậu. Tuy nhiên anh còn tình cảm với chị L nên anh không đồng ý ly hôn, anh yêu cầu cho anh thời gian 2 tháng để anh hàn gắn tình cảm với chị L vì anh muốn phụ chị L chăm sóc nuôi dưỡng 3 con chung. Nếu sau 2 tháng, chị L vẫn yêu cầu ly hôn thì anh đồng ý. Về con chung do anh không đồng ý ly hôn nên anh không có ý kiến gì về con.

Tại phiên hòa giải ngày 13/6/2022, anh P trình bày không đồng ý ly hôn vì cùng muốn chăm sóc con. Nếu tòa cho ly hôn, anh yêu cầu được nuôi 2 đứa con lớn là Hoàng L và Mỹ D. Anh không yêu cầu chị L cấp dưỡng nuôi con và anh không cấp dưỡng.

* Tại phiên tòa, các đương sự vắng mặt nên không thỏa thuận về việc giải quyết vụ án.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và thư ký tòa án từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm chuẩn bị nghị án đều được tiến hành đúng theo trình tự thủ tục do Bộ luật tố tụng dân sự quy định.

- Về quan điểm giải quyết vụ án, Kiểm sát viên nhận xét: Về hôn nhân: mâu thuẫn giữa chị L và anh P là có thật, anh chị đã có thời gian sống ly thân, quá trình giải quyết Tòa án cũng tạo điều kiện để anh P hàn gắn nhưng chị L vẫn cương quyết ly hôn, từ đó xác định mục đích hôn nhân giữa chị L và anh P không đạt được nên yêu cầu xin ly hôn của chị L là có cơ sở. Về con chung: chị L và anh P có 03 con chung hiện đang sống với chị L, nên chị L xin trực tiếp nuôi con là phù hợp nguyện vọng của con và quy định pháp luật. Chị L yêu cầu anh P cấp dưỡng mỗi con 1.000.000 đồng là phù hợp với mức sống hiện nay và quy định. Do đó, đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị L.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra xem xét. Căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, nghe lời trình bày của các đương sự và ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn chị Phạm Xuân L có đơn xin vắng mặt, anh Nguyễn Hoàng P đã được triệu tập hợp lệ hai lần nhưng vẫn vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227, Điều 228, khoản 1 Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu xin ly hôn và bị đơn đang cư trú tại ấp B, xã N, huyện C nên Tòa án xác định tranh chấp ly hôn và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện C theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 51, 53 của Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về nội dung tranh chấp: Chị L cho rằng chị và anh P có mâu thuẫn trầm trọng, không thể hàn gắn và tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị yêu cầu ly hôn với anh P. Về con chung, chị và anh P có 3 con chung là Nguyễn Hoàng L, sinh ngày 09/3/2012, Nguyễn Ngọc Mỹ D, sinh ngày 28/12/2013, Nguyễn Ngọc Diệu A, sinh ngày 29/8/2020 hiện đang sống với chị. Ly hôn, chị yêu cầu nuôi 03 con chung, yêu cầu anh P cấp dưỡng 3.000.000 đồng/3con/tháng cho đến khi con đủ tuổi trưởng thành. Về tài sản chung, nợ chung, không có, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Xét yêu cầu của chị L:

[4.1] Về hôn nhân: Chị L và anh P có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện C theo giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 23 ngày 15/3/2010, nên căn cứ Điều 8, 9 Luật hôn nhân và gia đình là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống, chị L và anh P nhiều lần mâu thuẫn, thời gian kéo dài, chị L và anh P đã có thời gian sống ly thân. Điều đó thể hiện mẫu thuẫn giữa chị L và anh P là có thật, mục đích hôn nhân giữa chị L và anh P đã không đạt được. Đồng thời tại biên bản hòa giải ngày 26/4/2022, anh P yêu cầu được 2 tháng để anh hàn gắn với chị L, nếu sau 2 tháng chị L vẫn yêu cầu ly hôn thì anh đồng ý ly hôn. Từ đó đến nay, anh P không có biện pháp để hàn gắn với chị L, chị L vẫn cương quyết ly hôn, điều đó thể hiện mẫu thuẫn giữa chị L và anh P đã trầm trọng, không thể hàn gắn. Do đó, chị L yêu cầu ly hôn là có cơ sở phù hợp khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

[4.2] Về con chung: Chị L và anh P có 3 con chung là Nguyễn Hoàng L, sinh ngày 09/3/2012, Nguyễn Ngọc Mỹ D, sinh ngày 28/12/2013, Nguyễn Ngọc Diệu A, sinh ngày 29/8/2020. Xét thấy, từ khi sống ly thân với anh P, ba con sống với chị L đã ổn định. Ngoài ra, chị L có thời gian chăm sóc con hơn anh P, bởi lẽ chị L mở tiệm uốn tóc tại nhà mẹ ruột của chị L (nơi chị L và các con đang sống), chủ động về thời gian, thuận lợi đưa đón các cháu đang đi học. Điều này phù hợp với đơn xin xác nhận của chị L (Bút lục 41, 42). Trong khi, anh P đang sống một mình và đang làm việc tại trại gà, việc chăm sóc, nuôi dưỡng,

giáo dục con không đảm bảo. Do đó, xét thấy cần thiết giao cho chị L được trực tiếp nuôi con để đảm bảo quyền lợi mọi mặt của con và phù hợp nguyện vọng của các con Hoàng L, Mỹ D theo quy định tại khoản 2 Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình.

[4.3] Về cấp dưỡng: Chị L yêu cầu anh P cấp dưỡng nuôi con 1.000.000 đồng/con/tháng. Tại biên bản hòa giải ngày 13/6/2022, anh P yêu cầu nuôi Hoàng L, Mỹ D và không ai cấp dưỡng nuôi con. Như nhận định trên, cần thiết để chị L tiếp tục nuôi con. Do đó, việc anh P không đồng ý cấp dưỡng là không phù hợp khoản 2 Điều 82, 110 Luật hôn nhân và gia đình. Chị L yêu cầu mức cấp dưỡng mỗi con 1.000.000 đồng/tháng là phù hợp khả năng của anh P và nhu cầu thiết yếu của các con nên xét chấp nhận yêu cầu của chị L theo Điều 116 Luật hôn nhân và gia đình.

[4.4] Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[5] Về án phí: Chị L phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm và anh P phải chịu án phí cấp dưỡng theo khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và khoản 5, 6 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quối hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

[6] Ý kiến của Viện kiểm sát phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được ghi nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228, khoản 1 Điều 238, Điều 266, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Áp dụng Điều 8, 9, 51, 53, 56, 81, 82, 83, 110, 116 của Luật hôn nhân và gia đình; Khoản 5, 6 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quối hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Phạm Xuân L.

- Về hôn nhân: Chị Phạm Xuân L được ly hôn với anh Nguyễn Hoàng P.

- Về con chung: Giao con tên Nguyễn Hoàng L, sinh ngày 09/3/2012, Nguyễn Ngọc Mỹ D, sinh ngày 28/12/2013, Nguyễn Ngọc Diệu A, sinh ngày 29/8/2020 cho chị Phạm Xuân L trực tiếp nuôi. Anh Nguyễn Hoàng P có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

- Về cấp dưỡng: Anh Nguyễn Hoàng P có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho đến khi con trưởng thành, lao động được cụ thể như sau:

+ Cấp dưỡng cho Nguyễn Hoàng L: 1.000.000 đồng/tháng.

+ Cấp dưỡng cho Nguyễn Ngọc Mỹ D: 1.000.000 đồng/tháng.

+ Cấp dưỡng cho Nguyễn Ngọc Diệu A: 1.000.000 đồng/tháng.

Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Về án phí:

- Chị Phạm Xuân L phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm. Khấu trừ 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0005595 ngày 31/3/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Tiền Giang.

- Anh Nguyễn Hoàng P phải chịu 300.000 đồng án phí cấp dưỡng.

3. Về quyền kháng cáo: Chị L và anh P được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện C;
- Chị cục THADS huyện C;
- UBND xã N;
- Các đương sự;
- Lưu: án văn, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Thanh Tuyền